

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco**  
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không  
Taseco Nội Bài]

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco  
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 38

# Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 4 ngày 30 tháng 5 năm 2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017, Công ty đã được phê duyệt đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm:

- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Anh Quốc	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Đào Tiến Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Trần Thị Loan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đức Long	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Quang Viên	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Trần Thị Loan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Trần Thị Liên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Lê Thị Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Anh Quốc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco  
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

#### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là Ông Lê Anh Quốc,  
Tổng Giám đốc.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco**  
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

**CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Lê Anh Quốc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61311118/19445923

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco**  
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") được lập ngày 5 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 5 tháng 8 năm 2017 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### ***Vấn đề khác***

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 chưa được soát xét.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Phạm Công Khanh  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy GNDKHN kiểm toán: 3483-2015-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
 ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>33.599.473.361</b>	<b>35.390.997.252</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>8.819.651.024</b>	<b>18.779.591.837</b>
111	1. Tiền		8.819.651.024	18.779.591.837
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>15.857.076.694</b>	<b>8.149.230.588</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	5.702.148.933	2.906.904.269
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	2.156.362.691	69.130.013
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	7.998.565.070	5.173.196.306
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>7.398.685.816</b>	<b>7.521.124.329</b>
141	1. Hàng tồn kho		7.398.685.816	7.521.124.329
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.524.059.827</b>	<b>941.050.498</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	1.524.059.827	941.050.498
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>254.114.994.741</b>	<b>266.106.181.836</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>90.220.439.740</b>	<b>75.370.439.740</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	90.220.439.740	75.370.439.740
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>27.314.889.226</b>	<b>17.103.815.429</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	27.244.310.905	17.014.788.104
222	Nguyên giá		33.521.759.510	21.403.553.178
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.277.448.605)	(4.388.765.074)
227	2. Tài sản cố định vô hình		70.578.321	89.027.325
228	Nguyên giá		127.592.000	127.592.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(57.013.679)	(38.564.675)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>130.480.000.000</b>	<b>169.671.289.901</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	11	130.480.000.000	169.671.289.901
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.099.665.775</b>	<b>3.960.636.766</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	6.099.665.775	3.960.636.766
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>287.714.468.102</b>	<b>301.497.179.088</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>116.540.028.778</b>	<b>126.348.644.065</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>46.305.628.778</b>	<b>98.864.444.065</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	10.313.278.442	8.525.467.097
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		10.116.224	8.001.025
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.222.849.055	3.710.059.855
314	4. Phải trả người lao động		5.231.132.194	6.456.677.399
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		591.050.491	558.456.341
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14	5.424.435.242	1.176.224.045
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	2.367.465.008	63.544.478.910
320	8. Vay ngắn hạn	17	20.145.302.122	14.885.079.393
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>70.234.400.000</b>	<b>27.484.200.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	62.000.000.000	24.000.000.000
338	2. Vay dài hạn	17	8.234.400.000	3.484.200.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>171.174.439.324</b>	<b>175.148.535.023</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>171.174.439.324</b>	<b>175.148.535.023</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành	18.1, 18.2	160.480.000.000	160.480.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		160.480.000.000	160.480.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.694.439.324	14.668.535.023
421a	- Lũy kế lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		449.618.349	98.944.279
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		10.244.820.975	14.569.590.744
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>287.714.468.102</b>	<b>301.497.179.088</b>

  
Trịnh Tô Giang  
Người lập

  
Lê Đức Tuấn  
Phó phòng kế toán



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
 cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	102.535.149.250	82.045.646.505
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		102.535.149.250	82.045.646.505
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	20	(49.222.305.497)	(40.437.809.142)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.312.843.753	41.607.837.363
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	63.941.537.962	745.182.877
22	7. Chi phí tài chính	21	(867.163.373)	(384.568.431)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(866.407.155)	(384.136.754)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(27.678.379.661)	(26.467.604.141)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(9.882.927.498)	(11.621.772.977)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		78.825.911.183	3.879.074.691
31	11. Thu nhập khác	23	1.412.954.853	312.512.424
32	12. Chi phí khác	23	(3.811.856)	(28.922.230)
40	13. Lợi nhuận khác	23	1.409.142.997	283.590.194
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		80.235.054.180	4.162.664.885
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(3.341.922.836)	(934.268.023)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		76.893.131.344	3.228.396.862

  
 Trịnh Tô Giang  
 Người lập

  
 Lê Đức Tuấn  
 Phó phòng kế toán

  
 Lê Anh Quốc  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
 cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>80.235.054.180</b>	<b>4.162.664.885</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		2.522.030.686	2.170.670.069
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	19.2	(65.039.709.316)	(720.132.741)
06	Chi phí lãi vay		866.407.155	384.136.754
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>18.583.782.705</b>	<b>5.997.338.967</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(7.542.741.939)	(8.948.776.556)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		122.438.513	(257.528.814)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		4.490.595.437	(1.766.746.199)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(2.722.038.338)	2.156.785.893
14	Tiền lãi vay đã trả		(866.407.155)	(384.136.754)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(3.700.266.388)	(425.000.000)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(627.227.043)	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>7.738.135.792</b>	<b>(3.628.063.463)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(12.733.104.483)	(3.786.356.152)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.136.363.635	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(58.500.000.000)	(3.650.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		58.500.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		63.888.241.514	4.064.838
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>52.291.500.666</b>	<b>(7.432.291.314)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
31	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	2.776.098.900
33	Tiền thu từ đi vay		37.800.366.496	20.785.196.226
34	Tiền trả nợ gốc vay		(27.789.943.767)	(10.669.292.872)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(80.000.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		<b>(69.989.577.271)</b>	<b>12.892.002.254</b>
50	Tăng tiền thuần trong kỳ		<b>(9.959.940.813)</b>	<b>1.831.647.477</b>
60	Tiền đầu kỳ		<b>18.779.591.837</b>	<b>836.087.367</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền cuối kỳ	4	<b>8.819.651.024</b>	<b>2.667.734.844</b>



Trịnh Tô Giang  
 Người lập



Lê Đức Tuấn  
 Phó phòng kế toán



Lê Anh Quốc  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 4 ngày 30 tháng 5 năm 2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017, Công ty đã được phê duyệt đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm:

- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 389 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 330 người).

### Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 3 công ty con, bao gồm:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng ("Taseco Đà Nẵng")	99,9%	99,9%	Số 99 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách và các dịch vụ liên quan.
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn ("Taseco Sài Gòn")	55%	55%	Số 28/1/21 Huỳnh Lan Khanh, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ; dịch vụ bán hàng và các sản phẩm lưu niệm; dịch vụ đón tiễn; đại lý du lịch và điều hành tua du lịch; đại lý thu đổi ngoại tệ; dịch vụ quảng cáo.
3	Công ty TNHH Một thành viên Taseco Oceanview Đà Nẵng ("Taseco Oceanview Đà Nẵng")	100%	100%	Số 200 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	Quản lý khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống, vận tải hành khách đường bộ và các dịch vụ liên quan và các hoạt động khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 vào ngày 5 tháng 8 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

### 2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là hàng hóa với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	1 - 5 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản cố định khác	3 - 6 năm
Phần mềm	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

#### 3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

#### 3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.9 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

*Trường hợp BCC dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát*

BCC dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) (tiếp theo)

*Trường hợp BCC dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (tiếp theo)*

Các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát phát sinh cho từng bên liên doanh sẽ do từng bên ghi nhận. Đối với các khoản chi phí chung (nếu có) thì căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng để phân chia cho các bên góp vốn.

Các khoản mục dưới đây được phản ánh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

- ▶ Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- ▶ Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- ▶ Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh; và
- ▶ Chi phí phải gánh chịu.

*Trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế*

Nếu BCC quy định các bên trong BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ:

BCC chia lợi nhuận sau thuế được đồng kiểm soát:

Công ty áp dụng phương pháp kế toán BCC chia doanh thu để ghi nhận doanh thu, chi phí vào kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ, cụ thể:

- ▶ Ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần Công ty được chia theo thỏa thuận của BCC; và
- ▶ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ chỉ bao gồm phần lợi nhuận sau thuế tương ứng của Công ty được hưởng.

BCC chia lợi nhuận sau thuế do một bên kiểm soát:

Nếu Công ty kiểm soát BCC, Công ty sẽ hạch toán toàn bộ doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, đồng thời ghi nhận toàn bộ lợi nhuận sau thuế của BCC vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Nếu Công ty không kiểm soát BCC, Công ty ghi nhận phần lợi nhuận mà Công ty được chia từ BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.10 Các khoản đầu tư

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng hoàn thành thực tế của mỗi hợp đồng.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong nhà ga và cảng hàng không. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

### 4. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	3.547.686.591	1.143.215.064
Tiền gửi ngân hàng	5.271.964.433	17.636.376.773
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.819.651.024</b>	<b>18.779.591.837</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Đầu tư Bốn Mùa	1.553.857.500	520.824.540
Công ty TNHH Sejoong Việt Nam	-	376.068.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	445.500.000	262.929.294
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Thời Đại	1.570.519.479	-
Công ty TNHH Viễn thông Lê Nguyễn	228.000.000	228.000.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.753.299.350	594.266.903
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	150.972.604	924.815.532
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.702.148.933</b>	<b>2.906.904.269</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-

**5.2 Trả trước cho người bán**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Cafe Đất Việt	21.273.091	21.273.091
XI Nghiệp Bán lẻ Xăng dầu - Công ty Xăng dầu Khu vực I - Công ty TNHH Một Thành Viên	55.017.843	14.988.367
Công ty TNHH Ánh Sáng Tiến Dư	-	9.548.000
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ VINASTAR	-	10.000.000
Công ty TNHH Quảng cáo và Thương mại P&G	697.346.870	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Giải pháp Nghe nhìn Hoàng Kim	276.510.500	-
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Nguyệt Anh	958.400.000	-
Các khoản trả trước khác	147.814.387	13.320.555
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.156.362.691</b>	<b>69.130.013</b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tạm ứng cho nhân viên	4.228.186.435	369.408.218
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	2.159.334.500	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.611.044.135	1.671.174.452
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-	3.132.613.636
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.998.565.070</b>	<b>5.173.196.306</b>

(\*) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Truyền thông Sân bay Đà Nẵng (DNA) theo Hợp đồng ủy thác kinh doanh vị trí quảng cáo giữa Công ty với Công ty TNHH Phát triển Thành phố (iCity) và DNA ngày 6 tháng 2 năm 2017. Theo hợp đồng này, các bên cùng tham gia hợp tác để thực hiện khai thác, kinh doanh quảng cáo tại Sân bay Đà Nẵng và lợi nhuận thu được từ việc hợp tác này sẽ phân chia cho Công ty và iCity là 42,5% và cho DNA là 15%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Công cụ, dụng cụ	94.822.263	-	150.528.415	-
Hàng hóa	7.303.863.553	-	7.370.595.914	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.398.685.816</b>	<b>-</b>	<b>7.521.124.329</b>	<b>-</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	97.596.769	128.151.617
Chi phí sửa chữa	231.759.530	340.477.415
Chi phí thuê mặt bằng	435.725.818	-
Khác	758.977.710	472.421.466
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.524.059.827</b>	<b>941.050.498</b>
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	3.726.401.485	2.641.027.129
Chi phí sửa chữa	370.784.034	985.026.844
Khác	2.002.480.256	334.582.793
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.099.665.775</b>	<b>3.960.636.766</b>

**9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư (Thuyết minh số 26) (*)	90.220.439.740	75.220.439.740
Phải thu dài hạn khác	-	150.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>90.220.439.740</b>	<b>75.370.439.740</b>

(\*) Đây là khoản góp vốn vào Dự án Hạ Long – Quảng Ninh theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 70/2016/HTDT/TASECO – TASECO.NB ngày 26 tháng 12 năm 2016. Theo đó, Công ty và Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Thăng Long ("Taseco Thăng Long") cùng hợp tác kinh doanh tại lô đất H33 và H30 thuộc Khu Hỗn Hợp Bán đảo 2 – Khu Đô thị Dịch vụ Hùng Thắng, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh do Công ty Taseco Thăng Long làm chủ đầu tư. Theo hợp đồng này, Công ty sẽ góp 40% tổng vốn đối ứng của Dự án này và sẽ được chia kết quả kinh doanh (lợi nhuận sau thuế) theo tỷ lệ vốn thực góp. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã góp vốn với số tiền là 90,2 tỷ VND.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco**  
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc			Phương tiện vận tải			Thiết bị vận phòng			Đơn vị tính: VND
									Tổng cộng	
<b>Nguyên giá:</b>										
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	4.813.341.656	1.827.492.326	14.762.719.196	-	-	-	-	-	21.403.553.178	
- Mua trong kỳ	-	1.598.464.665	10.994.501.818	140.138.000	-	-	-	-	12.733.104.483	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(614.898.151)	-	-	-	-	-	(614.898.151)	
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	4.813.341.656	3.425.956.991	25.142.322.863	140.138.000	-	-	-	-	33.521.759.510	
<b>Trong đó:</b>										
Đã khấu hao hết	66.282.364	-	-	-	-	-	-	-	66.282.364	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>										
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.407.272.769	604.415.187	2.377.077.118	-	-	-	-	-	4.388.765.074	
- Khấu hao trong kỳ	538.047.618	289.017.529	1.670.623.480	5.893.055	-	-	-	-	2.503.581.682	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(614.898.151)	-	-	-	-	-	(614.898.151)	
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	1.945.320.387	893.432.716	3.432.802.447	5.893.055	-	-	-	-	6.277.448.605	
<b>Giá trị còn lại:</b>										
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.406.068.887	1.223.077.139	12.385.642.078	-	-	-	-	-	17.014.788.104	
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	2.868.021.269	2.532.524.275	21.709.520.416	134.244.945	-	-	-	-	27.244.310.905	
<b>Trong đó:</b>										
Tài sản sử dụng để thế chấp	-	-	16.076.495.662	-	-	-	-	-	16.076.495.662	

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco**  
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Đơn vị tính: VND
	Số lượng cổ phiếu/% sở hữu	Giá gốc Dự phòng	Số lượng cổ phiếu/% sở hữu	Giá trị hợp lý (*)	
<b>Đầu tư vào công ty con</b>					
Taseco Đà Nẵng (**)	1.998.000	19.980.000.000	1.998.000	25.810.557.011	-
Taseco Sài Gòn	550.000	5.500.000.000	550.000	5.500.000.000	-
Taseco Oceanview Đà Nẵng (***)	100%	105.000.000.000	100%	138.360.732.890	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>130.480.000.000</b>		<b>169.671.289.901</b>	-

(\*) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(\*\*) Trong kỳ, Công ty đã nhận được khoản cổ tức với số tiền là 5.830.557.011 VND từ Taseco Đà Nẵng. Khoản cổ tức này được chi từ lợi nhuận để lại của Taseco Đà Nẵng có được từ trước ngày Công ty nắm quyền kiểm soát Taseco Đà Nẵng và theo đó khoản cổ tức này đã được Công ty ghi giảm vào giá trị đầu tư của Công ty vào Taseco Đà Nẵng.

(\*\*\*) Trong kỳ, Công ty đã nhận được khoản cổ tức với số tiền là 33.360.732.890 VND từ Taseco Oceanview Đà Nẵng. Khoản cổ tức này được chi từ lợi nhuận để lại của Taseco Oceanview Đà Nẵng có được từ trước ngày Công ty nắm quyền kiểm soát Taseco Oceanview Đà Nẵng và theo đó khoản cổ tức này đã được Công ty ghi giảm vào giá trị đầu tư của Công ty vào Taseco Oceanview Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Chi tiết đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Taseco Đà Nẵng	99,9%	99,9%
Taseco Sài Gòn	55%	55%
Taseco Oceanview Đà Nẵng	100%	100%

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Châu Thống Cương Hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	997.673.973	997.673.973	1.236.801.953	1.236.801.953
Công ty TNHH Viễn thông Lê Nguyễn	835.334.918	835.334.918	745.821.785	745.821.785
Phải trả đối tượng khác	1.079.965.787	1.079.965.787	449.150.184	449.150.184
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	7.036.219.714	7.036.219.714	5.793.693.175	5.793.693.175
	364.084.050	364.084.050	300.000.000	300.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.313.278.442</b>	<b>10.313.278.442</b>	<b>8.525.467.097</b>	<b>8.525.467.097</b>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.121.266.388	3.341.922.836	(3.700.266.388)	1.762.922.836
Thuế giá trị gia tăng	1.497.605.830	3.235.568.911	(4.375.998.557)	357.176.184
Thuế tiêu thụ đặc biệt	54.013.637	350.679.021	(345.227.623)	59.465.035
Thuế thu nhập cá nhân	31.174.000	274.889.707	(262.778.707)	43.285.000
Các loại thuế khác	6.000.000	18.000.000	(24.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.710.059.855</b>	<b>7.221.060.475</b>	<b>(8.708.271.275)</b>	<b>2.222.849.055</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Doanh thu nhận trước cho dịch vụ quảng cáo tại sân bay và các dịch vụ hàng không khác	5.424.435.242	1.176.224.045
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.424.435.242</u></b>	<b><u>1.176.224.045</u></b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Nhận ký quỹ, ký cược	288.000.000	204.000.000
Phải trả về nhận góp vốn bằng các khoản đầu tư vào công ty con của bên liên quan (Thuyết minh số 26)		- 39.191.289.901
Phải trả theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư với Taseco Đà Nẵng (Thuyết minh số 26)		- 23.000.000.000
Các khoản phải trả khác	2.099.465.008	1.149.189.009
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.367.465.008</u></b>	<b><u>63.544.478.910</u></b>

**16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải trả theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư với Taseco Đà Nẵng (Thuyết minh số 26) (*)	24.000.000.000	24.000.000.000
Phải trả theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư với Taseco Oceanview Đà Nẵng (**) (Thuyết minh số 26)	38.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>62.000.000.000</u></b>	<b><u>24.000.000.000</u></b>

(\*) Đây là khoản nhận góp vốn từ Taseco Đà Nẵng theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HTDT/TASECO.ĐN- TASECO.NB ngày 26 tháng 12 năm 2016 và Phụ lục Hợp đồng số 01/2016/PL - HTDT/TASECO.ĐN - TASECO.NB ngày 31 tháng 12 năm 2016 nhằm cùng với Công ty hợp tác kinh doanh tại lô đất H33 và H30 thuộc khu Hỗn Hợp Bán đảo 2 – Khu Đô thị Dịch vụ Hùng Thắng, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh do Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Công ty, làm chủ đầu tư. Theo hợp đồng, Taseco Đà Nẵng sẽ góp 33,2% tổng vốn yêu cầu và sẽ được chia kết quả kinh doanh (lợi nhuận sau thuế) theo tỷ lệ vốn thực góp. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Taseco Đà Nẵng đã góp vốn cho Công ty với số tiền là 24 tỷ VND.

(\*\*) Đây là khoản nhận góp vốn từ Taseco Oceanview Đà Nẵng theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 50B/2017/HTDT/TASECO.ĐN- TASECO.NB ngày 20 tháng 3 năm 2017 nhằm cùng với Công ty hợp tác kinh doanh tại lô đất H33 và H30 thuộc khu Hỗn Hợp Bán đảo 2 – Khu Đô thị Dịch vụ Hùng Thắng, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh do Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Công ty, làm chủ đầu tư. Theo hợp đồng, Taseco Oceanview Đà Nẵng sẽ góp 30,58% tổng vốn yêu cầu và sẽ được chia kết quả kinh doanh (lợi nhuận sau thuế) theo tỷ lệ vốn thực góp. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Taseco Oceanview Đà Nẵng đã góp vốn cho Công ty với số tiền là 38 tỷ VND.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco**  
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. VAY**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016			Số phát sinh trong kỳ			Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			
<b>Vay ngắn hạn</b>									
Vay ngân hàng	13.532.679.393	13.532.679.393	29.133.966.496	(26.759.743.767)	15.906.902.122	15.906.902.122		15.906.902.122	
Vay dài hạn đến hạn trả	1.352.400.000	1.352.400.000	3.916.200.000	(1.030.200.000)	4.238.400.000	4.238.400.000		4.238.400.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.885.079.393</b>	<b>14.885.079.393</b>	<b>33.050.166.496</b>	<b>(27.789.943.767)</b>	<b>20.145.302.122</b>	<b>20.145.302.122</b>		<b>20.145.302.122</b>	
<b>Vay dài hạn</b>									
Vay dài hạn ngân hàng	3.484.200.000	3.484.200.000	8.666.400.000	(3.916.200.000)	8.234.400.000	8.234.400.000		8.234.400.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.484.200.000</b>	<b>3.484.200.000</b>	<b>8.666.400.000</b>	<b>(3.916.200.000)</b>	<b>8.234.400.000</b>	<b>8.234.400.000</b>		<b>8.234.400.000</b>	

**17.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Ngân hàng cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày đáo hạn	Lãi suất/năm	Hình thức thế chấp
	VND			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	10.300.286.380	Từ 29 tháng 8 năm 2017 đến 26 tháng 10 năm 2017	Lãi suất trong kỳ là 8,5%	Cổ phiếu Taseco Thăng Long thuộc sở hữu của một số cổ đông của Taseco Thăng Long có giá trị 135,75 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thăng Long	5.606.615.742	Từ 20 tháng 10 năm 2017 đến 29 tháng 11 năm 2017	Lãi suất trong kỳ là 7,5%	Vay theo hình thức tin chấp, không cần tài sản đảm bảo
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.906.902.122</b>			

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco**  
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)					
17.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày đáo hạn	Lãi suất/năm	Hình thức thế chấp	
Ngân hàng cho vay					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	1.989.000.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 16 tháng 12 năm 2019	Lãi suất trong kỳ là 8,4%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng nguyên giá là 2,98 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-583.19 với giá trị còn lại 929.721.592 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-584.83 với giá trị còn lại 929.721.592 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-584.59 với giá trị còn lại 929.721.592 VND	
<i>Trong đó: vay đến hạn trả</i>	<i>798.000.000</i>				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	1.838.400.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 20 tháng 6 năm 2020	Lãi suất trong kỳ là 8,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng nguyên giá là 2,29 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-747.66 với giá trị còn lại 1.193.518.600 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-747.91 với giá trị còn lại 1.193.518.600 VND	
<i>Trong đó: vay đến hạn trả</i>	<i>612.000.000</i>				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	2.576.000.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 26 tháng 6 năm 2020	Lãi suất trong kỳ là 8,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng nguyên giá là 3,22 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Ford Transit biến kiểm soát 29B-402.37 với giá trị còn lại 748.369.741 VND + Xe ô tô Ford Transit biến kiểm soát 29B-403.55 với giá trị còn lại 748.369.741 VND + Xe ô tô Ford Transit biến kiểm soát 29B-402.31 với giá trị còn lại 748.369.741 VND + Xe ô tô Ford Transit biến kiểm soát 29B-403.54 với giá trị còn lại 748.369.741 VND	
<i>Trong đó: vay đến hạn trả</i>	<i>858.000.000</i>				

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco**  
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. VAY (tiếp theo)**

**17.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)**

<i>Ngân hàng cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức thế chấp</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	3.898.000.000 VND	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 10 tháng 3 năm 2020	Lãi suất trong kỳ là 8,7%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng nguyên giá là 5,3 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E-718.86 với giá trị còn lại 1.060.514.219 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E-720.45 với giá trị còn lại 1.060.514.219 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E-721.14 với giá trị còn lại 1.060.514.219 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E-721.97 với giá trị còn lại 1.060.514.219 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E-721.39 với giá trị còn lại 1.060.514.219 VND
<i>Trong đó: vay đến hạn trả</i>	<b>1.416.000.000</b>			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	2.171.400.000	Lãi và gốc được trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả lãi và gốc cuối cùng là 31 tháng 5 năm 2021	Lãi suất trong kỳ là 10%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng nguyên giá là 3,5 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-165.92 với giá trị còn lại 837.029.728 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-166.70 với giá trị còn lại 837.029.728 VND + Xe ô tô Toyota Camry biến kiểm soát 30E-165.50 với giá trị còn lại 930.184.171 VND
<i>Trong đó: vay đến hạn trả</i>	<b>554.400.000</b>			
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.472.800.000</b>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	8.234.400.000			
<i>Vay đến hạn trả</i>	4.238.400.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	27.126.277.100	98.944.279	27.225.221.379
Tăng vốn trong kỳ	22.853.722.900	-	22.853.722.900
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	3.228.396.862	3.228.396.862
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>49.980.000.000</u>	<u>3.327.341.141</u>	<u>53.307.341.141</u>
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	160.480.000.000	14.668.535.023	175.148.535.023
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	76.893.131.344	76.893.131.344
Cổ tức công bố (*)	-	(80.240.000.000)	(80.240.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành (**)	-	(577.227.043)	(577.227.043)
Giảm khác	-	(50.000.000)	(50.000.000)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>160.480.000.000</u>	<u>10.694.439.324</u>	<u>171.174.439.324</u>

(\*) Theo Nghị quyết số 02/2017/ĐHĐCĐ-NQ ngày 11 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt việc chia cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2016 và tạm ứng cổ tức Quý I năm 2017 với tổng số tiền là 80,24 tỷ VND. Số cổ tức đã được thanh toán cho các cổ đông hiện hữu trong kỳ là 80 tỷ VND.

(\*\*) Theo Quyết định số 01/QĐ-HĐQT-TASECO.NB ngày 23 tháng 1 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt việc trích quỹ khen thưởng cho Ban điều hành Công ty năm 2016 bằng 4% lợi nhuận sau thuế kế hoạch, tương ứng với số tiền là 577.227.043 VND. Quỹ khen thưởng này đã được thanh toán cho Ban Điều hành Công ty trong kỳ.

Theo Biên bản số 04/2017/BB-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 2 tháng 6 năm 2017 và theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 04/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 2 tháng 6 năm 2017, cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành thêm 20.060.000 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ 160,48 tỷ VND lên 361,08 tỷ VND. Việc phát hành thêm sẽ được thực hiện trong tháng 7 năm 2017.

**18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Taseco Thăng Long	160.450.000.000	160.450.000.000	-	160.450.000.000	160.450.000.000	-
Bà Trần Thị Loan	15.000.000	15.000.000	-	15.000.000	15.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	15.000.000	15.000.000	-	15.000.000	15.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>160.480.000.000</u>	<u>160.480.000.000</u>	<u>-</u>	<u>160.480.000.000</u>	<u>160.480.000.000</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>	<b>160.480.000.000</b>	<b>49.980.000.000</b>
Số đầu kỳ	160.480.000.000	27.126.277.100
Vốn góp tăng trong kỳ	-	22.853.722.900
Trong đó:		
Bằng tiền mặt	-	2.776.098.900
Bằng các loại chi phí	-	97.624.000
Bằng các khoản đầu tư vào các công ty con	-	19.980.000.000
	<u>160.480.000.000</u>	<u>49.980.000.000</u>
Số cuối kỳ	<u>160.480.000.000</u>	<u>49.980.000.000</u>
<b>Cổ tức đã chia</b>	<b>(80.000.000.000)</b>	-

**18.4 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	16.048.000	160.480.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	16.048.000	160.480.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu phổ thông	16.048.000	160.480.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	16.048.000	160.480.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu phổ thông	16.048.000	160.480.000.000	16.048.000	160.480.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (31 tháng 12 năm 2016: 10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>102.535.149.250</b>	<b>82.045.646.505</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>57.860.664.250</i>	<i>45.981.748.580</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>44.674.485.000</i>	<i>36.063.897.925</i>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>102.535.149.250</b>	<b>82.045.646.505</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng</i>	<i>57.860.664.250</i>	<i>45.981.748.580</i>
<i>Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ</i>	<i>44.674.485.000</i>	<i>36.063.897.925</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>102.513.979.522</i>	<i>81.774.459.756</i>
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>	<i>21.169.728</i>	<i>271.186.749</i>

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi cho vay	370.937.500	739.798.224
Lãi tiền gửi	6.968.181	4.064.838
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	38.192.281	1.319.815
Cổ tức, lợi nhuận được chia	63.525.440.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>63.941.537.962</b>	<b>745.182.877</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn hàng hóa thương mại	27.862.565.156	22.809.323.924
Giá vốn dịch vụ khác	21.359.740.341	17.628.485.218
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>49.222.305.497</b>	<b>40.437.809.142</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	756.218	431.677
Chi phí lãi vay	866.407.155	384.136.754
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>867.163.373</b>	<b>384.568.431</b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân công	11.811.954.550	11.689.152.273
Chi phí thuê kho, mặt bằng	6.920.717.709	6.106.140.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.864.652.278	5.221.260.967
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.205.927.730	2.494.056.270
Chi phí khấu hao tài sản cố định	736.667.575	774.859.552
Chi phí khác bằng tiền	138.459.819	182.134.999
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.678.379.661</b>	<b>26.467.604.141</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	5.957.965.750	5.283.517.736
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.417.371.640	2.059.539.806
Chi phí tư vấn	66.000.000	3.000.000.000
Chi phí thuê kho, mặt bằng	646.800.000	614.400.000
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	279.994.576	262.394.574
Chi phí khấu hao tài sản cố định	231.196.655	225.303.600
Chi phí quản lý khác	283.598.877	176.617.261
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.882.927.498</b>	<b>11.621.772.977</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ khuyến mại sim chủ	151.500.423	261.290.735
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.136.363.635	-
Khác	125.090.795	51.221.689
	<b>1.412.954.853</b>	<b>312.512.424</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	23.730.321
Chi phí khác	3.811.856	5.191.909
	<b>3.811.856</b>	<b>28.922.230</b>
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b>1.409.142.997</b>	<b>283.590.194</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.755.699.656	36.770.896.528
Chi phí nhân công	23.448.191.992	21.258.383.549
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.613.056.660	16.604.683.853
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.522.030.686	2.170.670.069
Chi phí thuê mặt bằng cho dịch vụ quảng cáo	3.206.000.000	1.363.800.000
Chi phí khác	238.633.662	358.752.261
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>86.783.612.656</b>	<b>78.527.186.260</b>

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**25.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.341.922.836	934.268.023
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.341.922.836</b>	<b>934.268.023</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	80.235.054.180	4.162.664.885
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	16.047.010.836	832.532.977
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không được trừ thuế khác	-	101.735.046
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(12.705.088.000)	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>3.341.922.836</b>	<b>934.268.023</b>

**25.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Cổ tức được nhận	40.355.997.011	-
		Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	23.000.000.000	-
		Thu tiền thanh lý tài sản	808.963.398	-
		Doanh thu bán hàng	42.619.091	5.380.000
Công ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	15.956.364	27.835.465
Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Cổ tức được nhận	62.360.732.890	-
		Chuyển tiền hợp tác đầu tư	38.000.000.000	-
		Phí dịch vụ	23.621.863	12.475.001
		Mua tài sản	-	392.183.523
		Khác	33.599.998	-
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Cho vay	20.500.000.000	11.650.000.000
		Thu hồi cho vay	20.500.000.000	8.000.000.000
		Lãi vay	370.937.500	739.798.224
		Thu nhập hỗ trợ bán hàng và trưng bày sản phẩm	720.000.000	720.000.000
		Doanh thu thuê vị trí quảng cáo	-	3.036.533.189
		Nhận vốn góp	-	22.823.722.900
		Cổ tức đã chia	80.000.000.000	-
		Thanh toán cổ tức của Taseco Đà Nẵng và Oceanview Đà Nẵng trước thời điểm góp vốn	39.191.289.901	-
		Phải trả liên quan đến giao dịch góp vốn bằng khoản đầu tư vào Taseco Đà Nẵng	-	5.830.557.011
		Góp vốn hợp tác đầu tư	15.000.000.000	-
		Phí tư vấn và nhượng quyền kinh doanh	-	3.000.000.000
		Doanh thu bán hàng	4.953.364	165.343.558
		Khác	152.420.545	336.708.820
Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Taseco Hà Nội)	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	-	3.375.000
		Mua hàng hóa	-	1.047.273
		Phí dịch vụ	-	47.440.127



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 12)</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Taseco Hà Nội)	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	-	-
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Mua hàng hóa và phí dịch vụ	12.450.000	-
Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Phí dịch vụ	351.634.050	300.000.000
			<b>364.084.050</b>	<b>300.000.000</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 15)</b>				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Nhận góp vốn bằng các khoản đầu tư vào các công ty con	-	39.191.289.901
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Nhận vốn góp cho hợp đồng hợp tác đầu tư	-	23.000.000.000
			<b>-</b>	<b>62.191.289.901</b>
<b>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 16)</b>				
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Nhận vốn góp cho hợp đồng hợp tác đầu tư	24.000.000.000	24.000.000.000
Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Nhận vốn góp cho hợp đồng hợp tác đầu tư	38.000.000.000	-
			<b>62.000.000.000</b>	<b>24.000.000.000</b>

**Nghiệp vụ với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lương và thưởng	633.230.000	731.560.000
Thu nhập khác	46.210.000	65.520.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>679.440.000</b>	<b>797.080.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 27. CÁC CAM KẾT

### Thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê sau:

- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Nhà ga T2 – Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam có thời hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2019; và
- ▶ Một số hợp đồng thuê hoạt động khác.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Đến 1 năm	12.471.340.800	12.991.996.800
Từ 1 - 5 năm	15.405.211.200	21.335.193.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.876.552.000</b>	<b>34.327.190.400</b>

## 28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 07/2017/BB-HĐQT ngày 7 tháng 7 năm 2017 và Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 7 năm 2017, Hội đồng Quản trị đã thông qua kết quả phát hành thêm 20.060.000 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần theo Biên bản số 04/2017/BB-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 2 tháng 6 năm 2017 (Thuyết minh số 18). Theo đó, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc không chào bán số cổ phần mà cổ đông hiện hữu được phân bổ không mua (108.000 cổ phần) và kết thúc đợt chào bán với số lượng cổ phần đã chào bán thành công là 19.952.000 cổ phần.

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 06B/2017/BB-HĐQT-TASAIRS ngày 27 tháng 6 năm 2017 và Nghị quyết số 06B/2017/NQ-HĐQT-TASAIRS ngày 27 tháng 6 năm 2017, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc mua 6.000.000 cổ phần, tương đương 40% cổ phần đang lưu hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam. Theo đó, Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày mua trong tháng 7.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Theo đó, tổng vốn điều lệ của Công ty là 360 tỷ VND.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

  
Trịnh Tố Giang  
Người lập

  
Lê Đức Tuấn  
Phó phòng kế toán

  
Lê Anh Quốc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 8 năm 2017

